TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/DS-PT
Ngày: 22/01/2024
V/v Tranh chấp đòi tài sản và hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Huỳnh Thị Như Hà.

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Mỹ Tiên.

Bà Lê Thị Anh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2023, ngày 19 ngày 01 ngày 2024 đến ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp đòi tài sản và hợp đồng dịch vụ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 359/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5182/2023/QĐPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 16103/2023/QĐPT- DS ngày 04 tháng 12 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên toà số 16758/QĐPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐPT-DS ngày 03/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Nam A, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Đường B, Phường B1, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thúy D, sinh năm 1977; Địa chỉ: Đường E, phường E1, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản

ủy quyền công chứng số 001345, quyển số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại Văn phòng công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh). (Có mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị I, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Đường K, Phường K1, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đào Thị Thanh M, sinh năm 1997; Địa chỉ: Đường N, Phường N1, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền công chứng số 011072, quyển số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/7/2022 tại Văn phòng công chứng P, Thành phố Hồ Chí Minh). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Văn Q, Luật sư Công ty Luật R, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Đường N, Phường N1, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người làm chứng: Ông Trần Quang S, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường T, phường T1, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/12/2009, Ông Nguyễn Nam A có cho cá nhân bà Phạm Thị I (bà I) vay số tiền 7.500.000.000 đồng để bà I mua căn nhà và đất số U Đường U1, Phường U2, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà này là của ông Đặng Xuân X.

Ông A xác nhận giữa cá nhân ông và cá nhân bà I có tồn tại 02 hợp đồng vay tiền, một hợp đồng có lăn tay giữa các bên và một hợp đồng có ông Trần Quang S và bà Lê Thị Thu Y ký làm chứng.

Ông A xác nhận có ký tên tại Biên nhận ngày 12/12/2009 ký giữa ông A, bà I và người làm chứng ông S có nội dung: "Cả 03 chúng tôi cùng đồng ý nhìn nhận, việc Hợp đồng vay tiền giữa bà I với ông A là không có thực" nhằm để khẳng định vào thời điểm đó ông A chưa giao tiền cho bà I, do bà I sợ ký Hợp đồng vay tiền nhưng ông chưa đưa tiền với sự làm chứng của ông S. Thời điểm ký biên nhận này là vào buổi sáng ngày 12/12/2009, chữ ký và chữ viết họ tên trên biên nhận là của ông. Hợp đồng vay tiền ký đầu tiên vào sáng ngày 12/12/2009 có ông S làm chứng là không thực hiện được do có trục trặc trong

việc mua bán nhà số U Đường U1 nên ông A chưa giao tiền cho bà I.

Chiều cùng ngày, bà I thông báo ông A, bà và ông X (chủ nhà số U Đường U1) đã bàn được phương án giải quyết trục trặc, giải chấp để lấy chủ quyền nhà số U Đường U1 tại ngân hàng nên cá nhân ông A và cá nhân bà I ký lại Hợp đồng vay tiền khác, giao tiền và lăn tay chỉ có riêng bà I và ông A, ông nhớ thời điểm đưa tiền và ký hợp đồng này vào buổi chiều tối do thời gian đã lâu, ông không nhớ chính xác giờ. Việc bà I cho rằng bà I và ông A ký Hợp đồng vay tiền 7.500.000.000 đồng là giả tạo, chỉ nhằm mục đích phục vụ cho tranh chấp đòi nhà giữa bà I và ông X tại Tòa án nhân dân quận V là không đúng sự thật. Sự thật, cá nhân ông A cho riêng cá nhân bà I vay số tiền 7.500.000.000 đồng để bà I mua căn nhà số U Đường U1 từ ông X. Do việc mua bán giữa bà I và ông X không thành nên ngày 21 tháng 01 năm 2010 ông X đã khởi kiện bà I ra Tòa án nhân dân quận V, Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc, mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vay tài sản" nên bà I đã ký hợp đồng ủy quyền số 038366, Quyển số 9 TP/CC–SCC/HĐGD ngày 14/9/2012 tại Phòng công chứng A1, Thành phố Hồ Chí Minh để ông A đại diện cho bà I tham gia vụ kiện của ông X tại Tòa án nhân dân Quận V. Sau một thời gian tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân quận V, bà I đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền với ông A, ông A không thể tiếp tục tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện cho bà I, ông A liên lạc với bà I để đòi tiền riêng của cá nhân ông nhưng bà I luôn tránh né trả nợ nên ngày 29 tháng 8 năm 2016, bà I đã viết, ký tên và lăn tay để tái xác nhận lại tiền bà I vay của ông A vào ngày 12/12/2009.

Trong lúc ông A nằm viện, ông A nhiều lần hối thúc đòi tiền bà I nhưng bà I luôn tránh né cố tình không trả tiền, dù Tòa án nhân dân quận V, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử vụ án trên và tuyên bà I thắng kiện. Do đó, ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc cá nhân bà I phải trả lại cho ông số tiền 7.500.000.000 đồng đã mượn của ông.

Nay, ông A yêu cầu cá nhân bà I trả lại cho ông số tiền 7.500.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền có ký tên và lăn tay ngày 12/12/2009.

Tại Đơn phản tố, các Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa, phía bị đơn trình bày:

Vào năm 2011, bà I là bị đơn trong một vụ án dân sự về tranh chấp đặt cọc, mua bán và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số U Đường U1, Phường U2, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh do Tòa án nhân dân quận V giải quyết. Đồng thời hồ sơ nhà đất của căn nhà này bị cơ quan có thẩm quyền tiến

hành ngăn chặn và ra thông báo trả hồ sơ không tiếp tục giải quyết việc đăng bộ, sang tên.

Qua giới thiệu, bà I làm quen với ông A và thuê cá nhân ông A làm dịch vụ hồ sơ nhà đất Số U đường U1 chuyển quyền sở hữu từ ông X sang tên cá nhân bà I với chi phí dịch vụ 2.000.000.000 đồng và cá nhân ông A cam kết sẽ giải quyết hồ sơ sang tên nhà đất căn nhà này, vì vậy bà I đã đồng ý giao hồ sơ nhà đất cho cá nhân ông A thực hiện.

Ngày 01/8/2011, cá nhân bà I thỏa thuận với cá nhân ông A lập và ký Giấy nhận tiền ứng trước 200.000.000 đồng tương ứng 10% số tiền dịch vụ (2.000.000.000 đồng) của bà I và cam kết nếu không làm được thủ tục sang tên nhà Số U đường U1 cho bà I thì cá nhân ông A phải bồi thường thêm do vi phạm không thực hiện được dịch vụ là 200.000.000 đồng. Theo đó tiền tạm ứng tiền 10% dịch vụ được giao thành 02 lần như sau:

- Ngày 01/8/2011, bà I giao ông A 30.000.000 đồng; Và cá nhân bà I đã ký hợp đồng ủy quyền số 032026, Quyển số 08/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 02/8/2011 tại Phòng công chứng A1, Thành phố Hồ Chí Minh (có nội dung ông A được nộp và nhận hồ sơ xin trích lục tờ khai lệ phí trước bạ, các chứng từ liên quan, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bên bà I đối với căn nhà số U Đường U1;

- Ngày 10/8/2011, bà I giao ông A 170.000.000 đồng;

Hai lần giao tiền này ông A đều ký tên và xác nhận đã nhận đầy đủ tiền.

Sau một khoảng thời gian thực hiện hợp đồng dịch vụ trên, ông A nhiều lần yêu cầu bà I phải đưa thêm phần tiền dịch vụ còn lại theo thỏa thuận, để ông A có chi phí hoàn tất hồ sơ nhà Số U đường U1. Do muốn hồ sơ nhà đất của mình được giải quyết ổn thỏa, bà I đã tiếp tục đưa thêm tiền cho ông A ba lần, cụ thể:

- Ngày 09/5/2012, ông A ký nhận tiền của bà I 600.000.000 đồng.

- Ngày 03/7/2012, ông A ký nhận tiền bà I 639.000.000 đồng.

- Ngày 10/7/2012, ông A ký nhận tiền bà I 421.000.000 đồng.

Tổng cộng cá nhân bà I đã giao 1.860.000.000 đồng cho cá nhân ông A trên 2.000.000.000 đồng tiền dịch vụ mà hai bên đã thỏa thuận. Sau khi ông A nhận tiền dịch vụ trên, bà I đã bàn giao đầy đủ hồ sơ nhà đất bản gốc cho ông A để ông A đi làm thủ tục đăng bộ, sang tên căn nhà trên. Tuy nhiên giữa ông A và bà

I không lập hợp đồng ủy quyền để thực hiện thủ tục đăng bộ sang tên giấy tờ nhà đất cho căn nhà này. Nhưng khi Tòa án nhân dân quận V giải quyết vụ án tranh chấp giữa bà I và ông X, ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc tạm ngưng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Quyền sử dụng đất ở và cấp Giấy chứng nhận các giao dịch liên quan đến nhà và đất số U Đường U1, Phường U2, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông A đã đề nghị bà I ủy quyền cho ông A đại diện tham gia tố tụng trong vụ án này tại Tòa án nhân dân quận V. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận V có yêu cầu bà I giải trình về nguồn gốc số tiền dùng để mua căn nhà này nhưng vì bà I làm nghề cho vay đáo hạn, chủ yếu sử dụng tiền mặt để hoạt động kinh doanh. Hơn nữa số tiền mua nhà là phần góp của nhiều người trong gia đình, bà I rất khó để giải trình cho Tòa án. Chính vì vậy ông A đã nói bà I làm hợp đồng vay tiền giả cách nhằm giả tạo việc bà I đã vay 7.500.000.000 đồng của ông A tương đương với giá mà bà I mua nhà Số U đường U1 của ông X, đồng thời ông A nói bà I ghi lùi ngày xác lập hợp đồng vay tiền thành ngày 12/12/2009 trước thời điểm bà I ký hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở Số U đường U1 đã được lập tại Phòng công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận việc mua bán giữa bà I và ông X có hợp đồng số: 048809/HĐ-MBCN ngày 14/12/2009. Do đó, bà I khẳng định, trên các Giấy vay tiền của cá nhân bà đối với cá nhân ông A vào ngày 12/12/2009 và Giấy tái xác nhận vay tiền với cá nhân ông A ngày 29/8/2016 là chữ ký, chữ viết họ và tên, dấu lăn tay của bà nhưng thực chất việc ký các giấy tờ trên là giả tạo chứ ông A không giao bà I nhận bất kỳ số tiền nào liên quan đến số tiền 7.500.000.000 đồng trong hợp đồng vay tiền giả cách nêu trên. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố các Hợp đồng vay tiền ngày 12/12/2009 giữa ông A và bà I là không có thật.

Ngày 21/10/2020, ông Vũ Nguyễn Đức Huy là đại diện theo ủy quyền của bà I có đơn yêu cầu phản tố, ngày 16/12/2020 có đơn xác định lại yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án buộc cá nhân ông A trả lại cho cá nhân bà I toàn bộ số tiền là 1.860.000.000 đồng đã nhận để làm dịch vụ đăng bộ, sang tên giấy tờ nhà đất cho căn nhà số U Đường U1.

Ngày 30/3/2023, bị đơn có Đơn bổ sung yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án buộc cá nhân ông A trả lại cho cá nhân bà I số tiền là 2.060.000.000 đồng, bao gồm:

- Số tiền tạm ứng 10% là 200.000.000 đồng trên tổng số tiền dịch vụ hai bên thỏa thuận dịch vụ là 2.000.000.000 đồng.

- Số tiền phạt vi phạm trong trường hợp không thực hiện được Hợp đồng dịch vụ thủ tục sang tên nhà đất số U Đường U1 cho bà I là 200.000.000 đồng.

- Số tiền của bà I giao thêm cho ông A 03 lần, với tổng số tiền là 1.660.000.000 đồng.

Yêu cầu cá nhân ông A thanh toán một lần và toàn bộ số tiền nêu trên ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tại các Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng là ông S trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S xác nhận nội dung trình bày của bị đơn là sự thật, ông là hàng xóm của bà I và là người giới thiệu ông A giúp bà I lo thủ tục giấy tờ nhà đất tại số U Đường U1, việc bà I và ông A ký hợp đồng vay tiền ngày 12/12/2009 có ông là người ký làm chứng. Sau khi viết giấy mượn tiền giữa ông A và bà I thì nghe nói giao dịch mua bán nhà ở quận V chưa có sự thống nhất nên các bên đã lập ngay Biên nhận ngày 12/12/2009 có nội dung hợp đồng vay tiền ngày 12/12/2009 trên là không có thực với sự làm chứng của ông. Ông không nhớ thời điểm chính xác là vào buổi sáng hay buổi chiều nhưng khẳng định Hợp đồng vay tiền và Biên nhận là cùng lúc với nhau.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý.

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất yêu cầu phản tố và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận như sau: Cá nhân ông A hoàn trả cho cá nhân bà I số tiền 2.060.000.000 đồng.

Phía bị đơn, luật sư bị đơn vắng mặt khi tuyên án.

Bản án số 359/2023/DS-ST ngày 17/8/2023 đã tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Nam A: Buộc cá nhân bà Phạm Thị I có trách nhiệm trả cho Ông Nguyễn Nam A số tiền 7.500.000.000 *(bảy tỷ năm trăm triệu)* đồng.

Công nhận sự thỏa thuận về yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị I: Buộc cá nhân Ông Nguyễn Nam A có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị I số tiền 2.060.000.000 *(hai tỷ không trăm sáu mươi triệu)* đồng, trả một lần, trả ngay khi khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/8/2023 bị đơn, bà Phạm Thị I kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn trình bày: Đối với tờ giấy vay tiền có người làm chứng cùng ký là thực hiện vào buổi sáng lúc đó hai bên chưa giao tiền và nên lập biên nhận cùng lúc sáng ngày 12/12/2009 có ông S làm chứng để xác nhận sự việc vay tiền là không có thực. Đến lúc chiều thì việc trao đổi mua bán căn nhà Số U Đường U1 không còn vướng thủ tục thì giữa ông A, bà I ký lại giấy vay tiền. Khi ông X khởi kiện bà I tại Toà án nhân dân quận V về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đối với căn nhà trên thì ông A đã tham gia vụ án. Đến năm 2016 bà I đơn phương chấm dứt hợp đồng uỷ quyền nên bà I đã ký giấy tái xác nhận ngày 29/8/2016 đã nhận số tiền trên là của ông A.

Đối với lời khai của người làm chứng thì ông S khai không thống nhất, vi phạm quyền và nghĩa vụ của người làm chứng tại khoản 2 Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về giấy xác nhận ngày 29/8/2016 phục vụ vào vụ việc khác là không đúng vì không có cơ sở nào xác định.

Đề nghị Toà án bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía bị đơn trình bày: Do Hợp đồng vay tiền đề ngày 12/12/2009 là giả cách được lập nhằm mục đích bổ sung hồ sơ vụ án tại Toà án nhân dân quận V, giải trình về nguồn gốc số tiền bà I dùng để mua căn nhà Số U Đường U1 của ông Nguyễn Xuân Sơn. Đồng thời, hợp đồng vay tiền ngày 12/12/2009 đã được ông A, bà I và người làm chứng là ông S xác nhận là không có thực. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, tuyên vô hiệu hợp đồng vay tiền ngày 12/12/2009 giữa ông A và bà I.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm liên quan đến nội dung buộc bà I trả lại cho ông A số tiền 7.500.000.000 đồng, bởi lẽ:

Đối với lời khai của người làm chứng thì phía người làm chứng đã giải trình sự việc tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn cho rằng lời khai của người làm chứng không thống nhất là không có cơ sở.

Đối với hai hợp đồng vay tiền có nội dung giống nhau: một hợp đồng có người làm chứng ký và một hợp đồng không có người làm chứng ký; biên nhận lập cùng ngày 12/12/2009 đã xác nhận là việc vay tiền theo hợp đồng vay tiền trên là không có thực; không có việc lập hợp đồng khác thời điểm như nguyên

đơn trình bày. Và việc lập hợp đồng vay tiền là do bà I cần phải có giấy tờ chứng minh có khoản tiền vay để chứng minh khoản tiền mua căn nhà số U Đường U1 tại Toà án nhân dân quận V.

Đối với giấy xác nhận do bà I ký ngày 29/8/2016 thực chất là để bổ sung vào hồ sơ liên quan đến việc đầu tư của người nhà bà I, không phải ký tái xác nhận việc mượn tiền như nguyên đơn trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo: xét cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ tài liệu chứng cứ và xét xử đúng quy định; việc kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đại diện viện kiểm sát đề nghị: Giữ nguyên bản án sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung:

Xét giữa nguyên đơn và bị đơn tồn tại hai hợp đồng vay tiền ngày 12/12/2009 đều có nội dung giống nhau (dùng vào việc mua căn nhà Số U Đường U1, Phường U2, quận V) được ký giữa Ông Nguyễn Nam A với bà Phạm Thị I, có sự làm chứng của ông S và bà Lê Thị Thu Y và giấy nợ chỉ có chữ ký và lăn tay của Ông Nguyễn Nam A, bà Phạm Thị I không có người làm chứng.

Phía nguyên đơn cho rằng hai giấy nợ trên được ký hai thời điểm khác nhau, còn giấy biên nhận cùng ngày 12/12/2009, có Ông Nguyễn Nam A, bà Phạm Thị I, ông S ký có nội dung: "…cả 03 chúng tôi cùng đồng ý nhìn nhận, việc hợp đồng vay tiền giữa bà Phạm Thị I với Ông Nguyễn Nam A là không có thực…" là xác nhận cho giấy vay đầu tiên, do tại thời điểm trên thủ tục ký chuyển nhượng mua bán nhà số U Đường U1 còn vướng nên ông S đã cùng với Ông Nguyễn Nam A bà Phạm Thị I xác nhận là giấy vay tiền không có thực; nhưng buổi chiều thì ký lại một giấy vay khác vì lúc đó thủ tục mua nhà không còn vướng và Ông Nguyễn Nam A đã giao tiền cho bà Phạm Thị I.

Phía bị đơn bà Phạm Thị I thì cho rằng giấy biên nhận cùng ngày 12/12/2009 có ông S ký đã thể hiện giấy vay tiền giữa bà và Ông Nguyễn Nam A là hoàn toàn không có thực.

Ông S là người làm chứng cho rằng ông ký vào biên nhận cùng ngày 12/12/2009 là để xác nhận sự việc giấy vay tiền ngày 12/12/2009 là không có thực.

Xét căn cứ vào hai giấy vay tiền trên, không ghi thời điểm sáng chiều như Ông Nguyễn Nam A trình bày, đồng thời giấy biên nhận cũng không xác định sự việc trên là có thực; không có tài liệu nào thể hiện cho việc ký trước, ký sau.

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện rõ ngày 14/12/2009 bà Phạm Thị I ký hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở căn nhà Số U Đường U1, Phường U2, quận V. Quá trình mua bán nhà thì phía ông X là người bán nhà khởi kiện bà Phạm Thị I tại toà án nhân dân quận V và vụ án đã được xét xử theo thủ tục sơ thẩm theo bản án 1916/2019/DS-ST ngày 28/10/2019; tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn đã nộp bổ sung bản án số 434/2020/DS-PT ngày 29/5/2020 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thể hiện có việc kiện giữa ông X và bà Phạm Thị I đối với căn nhà số U Đường U1, Phường U2, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh và hai bên thống nhất huỷ bỏ hợp đồng đặt cọc và hợp đồng mua bán nhà, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Buộc ông X phải trả lại cho bà Phạm Thị I số tiền 7.500.000.000 đồng đã nhận. Việc tranh chấp giữa bà Phạm Thị I và ông X đã được giải quyết xong bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét ngày 29/8/2016, phía bị đơn bà Phạm Thị I đã trực tiếp ký và lăn tay có nội dung xác nhận lại ngày 12/12/2009 giữa bà và Ông Nguyễn Nam A có ký hợp đồng vay tiền 7.500.000.000 đồng và khẳng định Ông Nguyễn Nam A có đưa bà 7.500.000.000 đồng để mua và đứng tên hộ căn nhà số U Đường U1: "…Việc hợp đồng vay vào ngày 12/12/2009 là để bổ túc hồ sơ kiện chứ thực chất tiền và nhà này là của ông A…".

Như vậy, mặc dù trước đây Ông Nguyễn Nam A không xuất trình được biên bản giao tiền cũng như xác định giấy vay tiền được ký trước, ký sau nhưng

giấy ký và lăn tay trên của bà Phạm Thị I đã tái xác nhận việc Ông Nguyễn Nam A đưa bà số tiền 7.500.000.000 đồng.

Nay, Ông Nguyễn Nam A khởi kiện đòi lại số tiền 7.500.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 12/12/2009 và giấy tái xác nhận sự việc giao tiền ngày 29/8/2016 do chính bà Phạm Thị I ký và lăn tay giao cho Ông Nguyễn Nam A là hoàn toàn có cơ sở.

Đối với nội dung hoà giải thành tại phiên toà sơ thẩm về yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị I: Buộc cá nhân Ông Nguyễn Nam A có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị I số tiền 2.060.000.000đ, sự thoả thuận trên không trái quy định pháp luật nên cấp sơ thẩm công nhận sự thoả thuận của các bên là phù hợp.

Từ những nhận định trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Xét đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Tòa án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 272, Điều 273, Khoản 2 Điều 296 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 164, Điều 169, Điều 256, Điều 422, Điều 471, Điều 518 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Người cao tuổi;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 359/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Phạm Thị I được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận L ;
- Tòa án nhân dân quận L ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Như Hà